

THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ

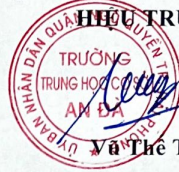
| ST<br>T | Vị trí việc làm                                       | Số biên<br>chế được<br>phân bổ | Số viên<br>chức có<br>mặt | Trình độ đào tạo |    |    | Hạng CDNN |         |          | Chuẩn nghề nghiệp |     |     |
|---------|---|--------------------------------|---------------------------|------------------|----|----|-----------|---------|----------|-------------------|-----|-----|
|         |   |                                |                           | ThS              | DH | CD | Hạng I    | Hạng II | Hạng III | Xuất<br>sắc       | Tốt | Khá |
| A       | B   | 1                              | 2                         | 3                | 4  |    |           | 8       | 9        | 10                | 11  | 12  |
| I       | Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý                     | 3                              | 3                         | 1                | 2  |    | 1         | 2       |          |                   | 3   |     |
| 1       | Hiệu trưởng   | 1                              | 1                         | 1                |    |    | 1         |         |          |                   | 1   |     |
| 2       | Phó Hiệu trưởng                                       | 2                              | 2                         |                  | 2  |    |           | 2       |          |                   | 2   |     |
| II      | Vị trí việc làm chức danh nghề<br>nghiệp chuyên ngành | 56                             | 52                        | 10               | 42 |    | 2         | 28      | 23       |                   | 52  |     |
| 1       | Giáo viên Toán  | 13                             | 13                        | 7                | 6  |    | 1         | 6       | 6        |                   | 13  |     |
| 2       | Giáo viên KHTN (Lý)                                   | 2                              | 2                         |                  | 2  |    |           |         | 2        |                   | 2   |     |
| 3       | Giáo viên KHTN (Hóa)                                  | 2                              | 2                         | 1                | 1  |    |           |         | 2        |                   | 2   |     |
| 4       | Giáo viên KHTN (Sinh)                                 | 3                              | 3                         |                  | 3  |    |           | 3       |          |                   | 3   |     |
| 5       | Giáo viên Văn   | 11                             | 11                        | 1                | 10 |    |           | 9       | 2        |                   | 11  |     |
| 6       | GV Lịch sử, Địa lý (L.Sử)                             | 2                              | 2                         |                  | 2  |    |           | 1       | 1        |                   | 2   |     |
| 7       | GV Lịch sử, Địa lý (Địa)                              | 2                              | 2                         |                  | 2  |    |           | 1       | 1        |                   | 2   |     |
| 8       | GV Giáo dục công dân                                  | 2                              | 1                         |                  | 1  |    |           |         | 1        |                   | 1   |     |
| 9       | GV Nghệ thuật (Mỹ thuật)                              | 1                              | 1                         |                  | 1  |    |           |         | 1        |                   | 1   |     |
| 10      | GV Nghệ thuật (Âm nhạc)                               | 1                              | 1                         |                  | 1  |    | 1         |         |          |                   | 1   |     |
| 11      | GV Giáo dục thể chất                                  | 3                              | 3                         | 1                | 2  |    |           | 1       | 2        |                   | 3   |     |
| 12      | Giáo viên Công nghệ                                   | 3                              | 2                         |                  | 2  |    |           | 1       | 1        |                   | 2   |     |
| 13      | Giáo viên Ngoại ngữ                                   | 5                              | 5                         |                  | 5  |    |           | 3       | 2        |                   | 5   |     |



|     |   |           |           |           |           |          |           |           |           |
|-----|---|-----------|-----------|-----------|-----------|----------|-----------|-----------|-----------|
| 14  | Giáo viên Tin học   | 2         | 1         | 1         |           | 1        |           | 1         |           |
| 15  | GV dạy môn tự chọn  | 2         |           |           |           |          |           |           |           |
| 16  | Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp                               |           |           |           |           |          |           |           |           |
| 17  | Giáo viên HDGD khác   |           | 1         | 1         |           |          | 1         | 1         |           |
| 18  | Tổng phụ trách  | 1         | 1         | 1         |           |          | 1         | 1         |           |
| 19  | NV Thiết bị, thí nghiệm   | 1         | 1         | 1         |           | 1        |           | 1         |           |
| 20  | Giáo vụ   |           |           |           |           |          |           |           |           |
| 21  | Tư vấn học sinh   |           |           |           |           |          |           |           |           |
| 22  | Viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật                          |           |           |           |           |          |           |           |           |
| III | <i>Vị trí triệc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung</i> | 2         | 2         | 2         |           | 2        |           | 2         |           |
| 1   | Kế toán viên trung cấp  |           |           |           |           |          |           |           |           |
| 2   | Kế toán viên  | 1         | 1         | 1         |           | 1        |           | 1         |           |
| 3   | Thư viện viên hạng II   |           |           |           |           |          |           |           |           |
| 4   | Thư viện viên hạng III  | 1         | 1         | 1         |           | 1        |           | 1         |           |
| 5   | Thư viện viên hạng IV   |           |           |           |           |          |           |           |           |
| 6   | Văn thư viên  |           |           |           |           |          |           |           |           |
| 7   | Văn thư viên trung cấp  |           |           |           |           |          |           |           |           |
| 8   | Nhân viên Thủ quỹ   |           |           |           |           |          |           |           |           |
| 9   | Chuyên viên về quản trị   |           |           |           |           |          |           |           |           |
|     | <b>Tổng</b>   | <b>61</b> | <b>57</b> | <b>11</b> | <b>46</b> | <b>3</b> | <b>20</b> | <b>24</b> | <b>57</b> |

NGÔ C  
 RƯỜNG  
 HỌC CO  
 AN ĐÀ  
 10 \* 0N

Đảng Giang, ngày 30 tháng 6 năm 2025



Và Thế Tuyển

